

Số: 79 /2026/QĐ-CTUBND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động và phân cấp quản lý hoà giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14;
Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;
Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của
chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 878/TTr-SNV ngày 02
tháng 7 năm 2026;
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế
quản lý hòa giải viên lao động và phân cấp quản lý hoà giải viên lao động trên địa
bàn tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động và phân cấp quản lý hoà giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.
- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Liên đoàn lao động tỉnh;
- Ban Quản lý khu kinh tế và các KCN tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP7.

Hue_VP7

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Chúc

QUY CHẾ

Quản lý hòa giải viên lao động và phân cấp quản lý hoà giải viên lao động trên địa bàn tỉnh ninh bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 79/2026/QĐ-CTUBND)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý hòa giải viên lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP và phân cấp quản lý hoà giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- Hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm;
- Sở Nội vụ;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phân cấp quản lý và phạm vi hoạt động

1. Quản lý hòa giải viên lao động

a) Sở Nội vụ thực hiện quản lý hoạt động của hòa giải viên lao động do Sở Nội vụ đề xuất tuyển chọn, bổ nhiệm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (*viết tắt là Nghị định số 145/2020/NĐ-CP*).

b) Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện quản lý hoạt động của hòa giải viên lao động do Ủy ban nhân dân xã, phường đề xuất tuyển chọn, bổ nhiệm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính

phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (viết tắt là Nghị định số 129/2025/NĐ-CP).

2. Phạm vi hoạt động

a) Hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý có phạm vi hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh; được phân công theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động và giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề theo đề nghị của xã, phường.

b) Hòa giải viên lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, quản lý có phạm vi hoạt động trên địa bàn xã, phường đó; được phân công theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động và giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề xảy ra trên địa bàn.

CHƯƠNG II

TUYỂN CHỌN, BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 4. Tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động được tuyển chọn theo kế hoạch hằng năm do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ.

Điều 5. Nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14, bao gồm:

a) Hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề;

b) Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

2. Nhiệm vụ hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh bao gồm một số hoạt động như sau:

a) Hỗ trợ người lao động, tổ chức đại diện người lao động, người sử dụng lao động đối thoại, thương lượng tập thể và tư vấn pháp luật (khi có yêu cầu);

b) Tham gia xử lý các vụ đình công không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

c) Tham gia thu thập thông tin về quan hệ lao động, phối hợp xây dựng hệ thống quản lý vụ việc hòa giải tranh chấp lao động;

d) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do hòa giải viên lao động trực tiếp giải quyết; kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý hòa giải viên những vấn đề phát sinh;

đ) Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng và hoàn thiện các công cụ quản trị theo quy định của pháp luật lao động;

e) Hoạt động hỗ trợ khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Quyền của hòa giải viên lao động

1. Quyền yêu cầu các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ, trung cầu giám định, mời người làm chứng và người có liên quan.

2. Quyền hỗ trợ các bên thương lượng, thỏa thuận và đề xuất phương án giải quyết tranh chấp lao động để các bên thương lượng, thỏa thuận;

3. Quyền tham khảo ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về lĩnh vực tranh chấp;

4. Quyền hưởng các chế độ, điều kiện làm việc theo quy định của Chính phủ.

Điều 7. Nghĩa vụ của hòa giải viên lao động

1. Thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động và tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo sự phân công của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Tuân thủ quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động theo quy định của pháp luật.

4. Không được từ chối nhiệm vụ khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc hỗ trợ phát triển quan hệ lao động mà không có lý do chính đáng.

5. Không được nhận tiền, lợi ích từ các bên tranh chấp, chủ thể có liên quan hoặc có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích của các bên hoặc lợi ích của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

6. Báo cáo kết quả, bàn giao đầy đủ hồ sơ vụ việc giải quyết tranh chấp lao động cho cơ quan quản lý hoà giải viên lao động.

7. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác hòa giải, về pháp luật lao động do cơ quan lao động các cấp hoặc các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức.

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN, NGUYÊN TẮC CỬ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 8. Thẩm quyền cử hòa giải viên lao động

1. Sở Nội vụ cử hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý theo Điều 3 Quy chế này thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường cử hòa giải viên lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý theo Điều 3 Quy chế này thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn xã, phường đó.

Điều 9. Nguyên tắc cử hòa giải viên lao động

Việc cử hòa giải viên lao động phải bảo đảm:

1. Việc cử hòa giải viên lao động phải xác định rõ phạm vi, địa bàn hoạt động và yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

2. Cơ quan có thẩm quyền cử hòa giải viên lao động phải khẩn trương tiến hành thủ tục cử hòa giải viên lao động sau khi tiếp nhận yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

3. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động phải đảm bảo đơn giản, nhanh chóng để tạo điều kiện cho hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ.

4. Hình thức cử hòa giải viên lao động được thực hiện bằng văn bản làm căn cứ để giải quyết chế độ đối với hòa giải viên lao động theo quy định.

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 10. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động.

1. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động dựa trên cách thức, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

a) Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật Đảng;

b) Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm;

c) Kết quả giải quyết (thành hoặc không thành) gắn với cách thức triển khai giải quyết tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động;

d) Hoạt động hỗ trợ phát triển quan hệ lao động của hòa giải viên lao động, kết quả đạt được;

đ) Chấp hành phân công nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của hòa giải viên lao động theo Quy chế này và quy định của pháp luật;

e) Những tiêu chí khác phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý và báo cáo Sở Nội vụ.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của Sở và tổng hợp chung báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường để phân loại đánh giá hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh; tiến hành các thủ tục thi đua khen thưởng đối với hòa giải viên lao động theo quy định.

4. Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo 02 tiêu chí sau: hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 11. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Chấp hành tốt quy định cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ.

3. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động do hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt từ 50% trở lên.

4. Tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

Điều 12. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ khi có một trong các tiêu chí sau:

1. Có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích các bên hoặc lợi ích của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động do hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt dưới 50%.

3. Từ chối nhiệm vụ khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc hỗ trợ phát triển quan hệ lao động mà không có lý do chính đáng.

Trường hợp được coi là có lý do chính đáng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, bản thân, thân nhân bị ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.

Điều 13. Quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân xã, phường thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

Chủ tịch Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ là Giám đốc Sở Nội vụ; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ

chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác cấp tỉnh nơi hòa giải viên lao động đang công tác là thành viên. Chủ tịch Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã, phường là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác cấp xã nơi hòa giải viên lao động đang công tác là thành viên.

2. Việc đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động được thực hiện theo từng năm công tác.

Quy trình tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động được thực hiện như sau:

a) Hòa giải viên lao động tự đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, gửi cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường giao Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã, phường và báo cáo Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ giao Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của Sở và tổng hợp chung báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường để phân loại đánh giá hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh. Kết quả đánh giá, phân loại hòa giải viên lao động là căn cứ để khen thưởng, bổ trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng hòa giải viên lao động hoặc miễn nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định.

d) Thời điểm đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động được tiến hành trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Kinh phí hoạt động của hòa giải viên lao động

1. Kinh phí chi trả các chế độ, đảm bảo điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm lập dự toán chi tiết kinh phí hoạt động của hòa giải viên lao động trên địa bàn theo đúng quy định tại Điều 96 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP và Luật Ngân sách nhà nước hiện hành trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để chi trả, bố trí điều kiện làm việc cho hòa giải viên lao động theo đúng quy định.

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ với cơ quan quản lý hòa giải viên lao động như sau:

a) Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6) và hằng năm (trước ngày 15/12). b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường tổng hợp, báo cáo của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý, xây dựng báo cáo về tình hình giải quyết tranh chấp lao động, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn gửi Sở Nội vụ. Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước 25/6) và hằng năm (trước 20/12).

3. Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường, xây dựng báo cáo về tình hình giải quyết tranh chấp lao động của tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời báo cáo Bộ Nội vụ. Báo cáo định kỳ hoàn thành trước ngày 25/12 hằng năm.

Điều 16. Quản lý, lưu trữ hồ sơ

1. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm lập hồ sơ về công việc được giao và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động; trước khi miễn nhiệm, hết nhiệm kỳ thì phải bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho người có trách nhiệm của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Sở Nội vụ chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu về thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật lưu trữ.

3. Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ; tổ chức thực hiện việc lập hồ sơ, bảo quản và nộp lưu hồ sơ, tài liệu về thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật lưu trữ.

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn.

b) Lập và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo phân cấp quản lý; bảo đảm điều kiện làm việc đối với hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động; thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động; thực hiện quản lý hồ sơ hòa giải viên lao động, hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác.

d) Chủ trì, phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động.

đ) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định của pháp luật.

e) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động trên Cổng thông tin điện tử, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

g) Phối hợp các Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương triển khai thực hiện Quy chế này. Định kỳ hằng năm, tổng hợp kết quả hòa giải lao động của hòa giải viên lao động báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Thực hiện quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn theo phân cấp.

b) Chỉ đạo phòng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ lập và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm theo phân cấp nhằm đáp ứng đầy đủ việc giải quyết tranh chấp lao động phát sinh trên địa bàn quản lý, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện công tác hòa giải theo quy định.

c) Cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo phân cấp quản lý; bảo đảm điều kiện làm việc cho hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động; quản lý, lưu trữ hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác.

d) Cử hòa giải viên lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động do Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tổ chức.

đ) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động trên Cổng thông tin điện tử, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

e) Bố trí kinh phí, bảo đảm các điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và người lao động

a) Doanh nghiệp, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và người lao động có trách nhiệm phối hợp với hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp lao động trên nguyên tắc thiện chí, trung thực.

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung tranh chấp (hợp đồng lao động, bảng lương, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các tài liệu khác có liên quan) cho hòa giải viên lao động theo yêu cầu.

c) Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở phối hợp, hỗ trợ với hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp lao động.

d) Người lao động có trách nhiệm tìm hiểu, tham gia tuyên truyền và tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Quy chế này.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Quy chế này được triển khai đến các cơ quan quản lý hòa giải viên lao động, hòa giải viên lao động và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, hòa giải viên lao động phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.